

Số: 625 /QĐ-SNNMT

Huế, ngày 15 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh E-HSMT

Gói thầu VN-CSCC-HUE-XL01: Hoạt động 1321.4. Thực hiện phục hồi rừng ngập mặn tại chỗ có sự tham gia của phụ nữ, các tổ chức do phụ nữ lãnh đạo (Hạng mục thi công trồng rừng và bảo hiểm công trình)

Dự án: Cộng đồng ven biển thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu tại Việt Nam – thành phố Huế

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 và sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2026/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quy chế chung quản lý chương trình, dự án hợp tác Việt Nam – Liên hợp quốc (HPPMG) năm 2010, năm 2016;

Căn cứ Hướng dẫn của LHQ-EU về chi phí địa phương trong hợp tác phát triển với Việt Nam năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 19/2025/QĐ-UBND ngày 05/3/2025 của UBND thành phố Huế ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1412/QĐ-UBND ngày 30/5/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật “Cộng đồng ven biển thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu tại Việt Nam - tỉnh Thừa Thiên Huế” do Chính phủ Canada tài trợ thông qua Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP);

Căn cứ Quyết định số 2464/QĐ-UBND ngày 06/8/2025 của UBND thành phố về việc phê duyệt Kế hoạch tổng thể của Dự án hỗ trợ kỹ thuật “Cộng đồng ven biển thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu tại Việt Nam – Thành phố Huế” do Chính phủ Canada tài trợ thông qua Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP);

Căn cứ Quyết định số 172/QĐ-SNNMT ngày 05/3/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn 2

(Năm 2026) Dự án Cộng đồng ven biển thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu tại Việt Nam – thành phố Huế; Quyết định số 586/QĐ-SNNMT ngày 05/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn 2 (Năm 2026);

Căn cứ Quyết định số 587/QĐ-SNNMT ngày 05/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc phê duyệt Điều khoản tham chiếu và dự toán Gói thầu VN-CSCC-HUE-XL01: Hoạt động 1321.4. Thực hiện phục hồi rừng ngập mặn tại chỗ có sự tham gia của phụ nữ, các tổ chức do phụ nữ lãnh đạo (Hạng mục thi công trồng rừng và bảo hiểm công trình);

Căn cứ Thư không phản đối của UNDP ngày 11/5/2026 về Điều khoản tham chiếu (Tor) và E HSMT Gói thầu VN-CSCC-HUE-XL01;

Căn cứ Quyết định số 599/QĐ-SNNMT ngày 11/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc phê duyệt E-HSMT Gói thầu VN-CSCC-HUE-XL01: Hoạt động 1321.4. Thực hiện phục hồi rừng ngập mặn tại chỗ có sự tham gia của phụ nữ, các tổ chức do phụ nữ lãnh đạo (Hạng mục thi công trồng rừng và bảo hiểm công trình);

Căn cứ Quyết định số 605/QĐ-SNNMT ngày 13/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc phê duyệt điều chỉnh dự toán Gói thầu VN-CSCC-HUE-XL01: Hoạt động 1321.4. Thực hiện phục hồi rừng ngập mặn tại chỗ có sự tham gia của phụ nữ, các tổ chức do phụ nữ lãnh đạo (Hạng mục thi công trồng rừng và bảo hiểm công trình);

Căn cứ E-HSMT điều chỉnh Gói thầu VN-CSCC-HUE-XL01: Hoạt động 1321.4. Thực hiện phục hồi rừng ngập mặn tại chỗ có sự tham gia của phụ nữ, các tổ chức do phụ nữ lãnh đạo (Hạng mục thi công trồng rừng và bảo hiểm công trình) do Công ty TNHH MTV Tư vấn và Xây dựng 86 Huế lập;

Căn cứ Báo cáo thẩm định điều chỉnh E-HSMT Gói thầu VN-CSCC-HUE-XL01: Hoạt động 1321.4. Thực hiện phục hồi rừng ngập mặn tại chỗ có sự tham gia của phụ nữ, các tổ chức do phụ nữ lãnh đạo (Hạng mục thi công trồng rừng và bảo hiểm công trình) do Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và xây dựng 289 lập;

Theo đề nghị của Ban Quản lý dự án VN-CSCC thành phố Huế tại Tờ trình số 56/TTr-VN-CSCC ngày 15/5/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh E-HSMT Gói thầu VN-CSCC-HUE-XL01: Hoạt động 1321.4. Thực hiện phục hồi rừng ngập mặn tại chỗ có sự tham gia của phụ nữ, các tổ chức do phụ nữ lãnh đạo (Hạng mục thi công trồng rừng và bảo hiểm công trình) với những nội dung như sau:

Điều chỉnh nội dung Bảng số 01 (Webform trên Hệ thống) của E-HSMT đã phê duyệt, có phụ lục chi tiết kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Các nội dung khác tại Quyết định số 599/QĐ-SNNMT ngày 11/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường không trái với nội dung Quyết định này được giữ nguyên.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Kế hoạch đầu tư và Tài chính, Giám đốc Ban QLDA Cộng đồng ven biển thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu tại Việt Nam – thành phố Huế và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Giám đốc;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đình Đức

BẢNG SỐ 01 (WEBFORM TRÊN HỆ THỐNG)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SNNMT ngày 15/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 ⁽¹⁾ đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có từ 02 hợp đồng trở lên (xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu ⁽²⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế ⁽³⁾ của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu
3	Năng lực tài chính					
3.1	Kết quả hoạt động tài chính ⁽⁴⁾	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08A

3.2	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 ⁽⁵⁾ năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 24.714.000.000 ⁽⁶⁾ VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08A
3.3	Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu	“Nhà thầu phải chứng minh có khả năng tiếp cận hoặc có sẵn các tài sản có khả năng thanh khoản cao⁽⁷⁾, hạn mức tín dụng khả dụng (hạn mức tín dụng còn được sử dụng) hoặc các nguồn tài chính khác (không bao gồm các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính thực hiện gói thầu với giá trị là 5.295.000.000 ⁽⁸⁾VND. Đối với trường hợp nhà thầu sử dụng cam kết cung cấp tín dụng của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam thì cam kết cung cấp tín dụng phải đáp ứng các điều kiện: - Giá trị tối thiểu: 5.295.000.000 ⁽⁸⁾VND; - Thời gian có hiệu lực của cam kết cung cấp tín dụng: có hiệu lực trong 120 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc có hiệu lực đến ngày 30 tháng 7 năm 2026; - Được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên,	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08B, 08C

		đóng dấu.”				
4	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng xây lắp tương tự⁽⁹⁾	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 (10) đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn(11) tối thiểu 02 công trình có: loại kết cấu: Trồng rừng ngập mặn có kè mềm tạo bãi, trồng và chăm sóc bảo vệ rừng. Nhà thầu phải gửi kèm theo các tài liệu sau để chứng minh (là bản gốc được scan hoặc bản sao công chứng/ chứng thực) sau đây để chứng minh, gồm: (i) Hợp đồng; (ii) Phụ lục hợp đồng (nếu có); (iii) Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình hoặc Biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng; (iv) Hóa đơn VAT; (v) Hồ sơ để chứng minh quy mô và cấp công trình, cấp: IV(12), trong đó ít nhất một công trình có giá trị là (V) 8.825.000.000 VND(13) và tổng giá trị tất cả các công trình $\geq$ 17.649.917.000 VND (X), với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý(14) hoặc nhà thầu phụ trong đó $X = 2 \times V$. Trường hợp nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc phần lớn(11) 01 công trình đáp ứng yêu cầu về loại kết cấu, cấp công trình và có giá trị $\geq X$ thì được coi là đáp ứng. Ngoài ra, căn cứ tính chất của gói thầu, có thể quy định điều kiện tương tự về hiện trường nhưng phải bảo đảm không làm hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 05